

## BÀI 31

# TỔNG KẾT PHẦN VĂN

### I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Bước đầu củng cố, hệ thống hoá kiến thức văn học qua các văn bản đã học trong SGK lớp 8 (trừ các văn bản tự sự và nhật dụng), khắc sâu những kiến thức cơ bản của những văn bản tiêu biểu.
- Tập trung ôn tập kĩ hơn cụm văn bản thơ (các bài 18, 19, 20 và 21).

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Phần văn học trong SGK *Ngữ văn 8* khá phong phú, đa dạng về nội dung, thể loại, hình thức nghệ thuật. Do đó, việc tổng kết, ôn tập cuối năm học được tiến hành trong nhiều bài, mỗi bài tập trung ôn tập một cụm văn bản. Bài 31 : ngoài việc sơ bộ hệ thống hoá kiến thức về toàn bộ các văn bản văn học Việt Nam học ở lớp 8 (qua câu hỏi 1), dành tập trung ôn tập cụm văn bản thơ ; bài 33 : cụm văn bản nghị luận ; bài 34 : cụm văn bản văn học nước ngoài và văn bản nhật dụng. Riêng cụm truyện và kí hiện đại Việt Nam đã ôn tập trong bài 10 ở học kì I nên không đề cập trong bài này.

2. Nội dung tổng kết trong bài 31 này chủ yếu nhằm giúp HS làm tốt hai câu hỏi và bài tập (câu 1 và câu 2) trong SGK. Câu 1 yêu cầu HS lập bảng thống kê các văn bản đã học ở lớp 8 nhằm giúp các em hệ thống hoá kiến thức, đồng thời củng cố kiến thức về đặc trưng thể loại, nội dung chủ yếu của mỗi văn bản tiêu biểu. Câu 2 tập trung đi sâu củng cố kiến thức, nhấn mạnh nét đặc sắc về nghệ thuật ở cụm văn bản thơ.

## III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

### Hoạt động 1. Giới thiệu bài.

– GV nói qua cho HS thấy hệ thống văn bản văn học ở lớp 8 khá phong phú, đa dạng, gồm nhiều cụm văn bản ; nói rõ cho các em biết việc tổng kết phần Văn được thực hiện trong ba bài (31, 33, 34), nêu nội dung tổng kết ở mỗi bài, sau đó, nêu yêu cầu tổng kết của bài 31 này.

– Kiểm tra sơ bộ việc chuẩn bị làm bài tập, trả lời câu hỏi ôn tập (ghi trong SGK, đã được GV nêu từ trước) của HS.

**Hoạt động 2.** Lập bảng thống kê các văn bản tác phẩm văn học đã học ở lớp 8 theo mẫu đã cho (trừ các văn bản truyện kí Việt Nam, văn học nước ngoài và văn bản nhật dụng).

GV cần hướng dẫn HS tuân thủ những điều ghi chú dưới mẫu thống kê trong SGK khi lập bảng.

GV có thể yêu cầu một HS trình bày bảng thống kê đã chuẩn bị của mình, một vài HS khác nhận xét. GV sửa chữa và ghi đầy đủ lên bảng. Tất cả HS đối

chiếu bảng GV ghi với bảng của mình đã chuẩn bị, sửa những sai sót, chép lại một bảng chính xác, hoàn chỉnh.

Sau khi ghi đầy đủ lên bảng, GV nên gợi ý, giúp HS nhận ra tính hệ thống của các văn bản, đồng thời, nhận ra cả tính độc đáo riêng của mỗi văn bản tiêu biểu. Chẳng hạn, nhìn vào cột mục *thể loại*, các em nhận ra cụm văn bản cùng thể loại (cụm văn bản thơ, cụm văn bản nghị luận,...).

**Hoạt động 3.** Nhận xét sự khác biệt về hình thức nghệ thuật giữa các văn bản.

Sự khác biệt về hình thức nghệ thuật giữa các bài *Vào nhà ngực Quảng Đông cảm tác*, *Đập đá ở Côn Lôn* và cả bài *Muốn làm thắng Cuội* (ra đời trước năm 1932) với các bài *Nhớ rừng*, *Ông đồ* và *Quê hương* (đều là thơ mới) HS nhận biết không khó khăn gì. Nhưng GV cần từ câu hỏi này, giảng cho HS có ý niệm sơ lược về phong trào Thơ mới và nhận biết hình thức thơ mới trong sự phân biệt với thơ cổ.

Cả ba văn bản thơ trong các bài 15, 16 đều thuộc thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Đây là thể thơ điển hình về tính quy phạm của thơ cổ, với số câu số chữ được hạn định, với luật bằng trắc, phép đối, quy tắc gieo vần rất chặt chẽ. GV có thể gợi HS nhớ lại luật của thể thơ này qua các bài đã học ở lớp 7 : *Qua Đèo Ngang*, *Bạn đến chơi nhà*... Còn các bài *Nhớ rừng*, *Quê hương*... thì khác hẳn, hình thức linh hoạt, phóng khoáng, tự do hơn nhiều. Cả ba bài *Nhớ rừng*, *Ông đồ* và *Quê hương* tuy vẫn tuân thủ một số quy tắc : số chữ trong các câu bằng nhau (*Nhớ rừng* và *Quê hương* là thơ tám chữ ; *Ông đồ* là thơ năm chữ), đều có vần (vần liền hoặc vần cách), có nhịp điệu, – tức là "thơ mới" cũng có luật lệ, quy tắc nhất định – nhưng những quy tắc đó không quá chặt chẽ tới mức gò bó như trong thơ luật Đường, mà trái lại hình thức thơ mới khá linh hoạt, tự do : số câu trong bài không hạn định ; lời thơ tự nhiên gần lời nói thường, không có tính chất ước lệ và không hề công thức khuôn sáo ; cảm xúc nhà thơ được phát biểu chân thật... Những điều đó rõ ràng là rất mới so với thơ Đường luật nói riêng và thơ cổ nói chung. Cái tên "thơ mới" ra đời là vì vậy.

Song cái tên "thơ mới" từng được hiểu khác nhau. Những thi sĩ thơ mới đã chống lại lối thơ khuôn sáo, gò bó đầy rẫy trên báo chí đương thời (hầu hết là thơ luật Đường) mà họ gọi là "thơ cũ". Họ đòi đổi mới thơ ca và sáng tác những bài thơ không tuân theo luật lệ của thơ cũ, mà thường là thơ tự do (số chữ trong câu không hạn định và không bằng nhau), gọi đó là "thơ mới". Vì vậy, ban đầu thơ

mới được hiểu là thơ tự do. Song cái tên "thơ mới" còn dùng để gọi cả một phong trào thơ có tính chất lăng mạn, bô phét vào những năm 1932 – 1933, chấm dứt vào năm 1945, gắn liền với tên tuổi của Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính,... Như vậy "thơ mới" không còn là tên gọi thể thơ tự do mà đã trở thành tên gọi một phong trào thơ. Trong phong trào này, ngoài thơ tự do (thực ra không nhiều) còn có các thể thơ truyền thống : thơ bảy chữ, năm chữ, tám chữ, lục bát,... Thậm chí, một số thi sĩ thơ mới làm cả thơ Đường luật. Nhưng cả nội dung cảm xúc và hình thức nghệ thuật, thơ mới rất khác với thơ cổ. Như vậy, sự đổi mới của thơ mới chủ yếu không phải ở phương diện thể thơ mà là ở chiều sâu cảm xúc và tư duy thơ.

Những điều trên đây, GV không cần nói đầy đủ cho HS nhưng rất cần nói qua để các em có ý niệm về thơ mới, về sự khác biệt giữa thơ mới và thơ cổ. GV có thể yêu cầu HS chỉ ra sự khác biệt đó qua hai chùm thơ cổ và thơ mới trong SGK.

**Hoạt động 4.** Giúp HS chọn lựa (sau đó chép lại) những câu thơ HS cho là hay nhất trong các bài *Vào nhà ngực Quảng Đông cảm tác*, *Đập đá ở Côn Lôn*, *Nhớ rừng và Quê hương*.

Đây là loại câu hỏi nhằm khơi gợi năng lực cảm thụ, phân tích, đánh giá nghệ thuật của HS. Một mặt, GV cần tôn trọng sự lựa chọn tuỳ theo thị hiếu của từng HS, tránh áp đặt ý kiến của mình cho các em ; nhưng mặt khác, cần chủ động giúp các em có sự cảm thụ và hiểu biết đúng đắn để lựa chọn, đánh giá chính xác, không "tôn trọng" một cách dễ dãi. Vì vậy, GV cần lắng nghe lời giải thích của HS vì sao em thích nhất những câu thơ đó. GV cần trao đổi với các em, khẳng định những ý kiến xác đáng, tinh tế, uốn nắn những ý kiến sai...

Ở đây cần làm cho HS thấy rõ một điều : bản thân các biện pháp tu từ chưa đủ tạo nên giá trị nghệ thuật ; không phải cứ có *điệp ngữ*, *ẩn dụ*, *nhân hoá*... là thơ hay ! Biện pháp tu từ chỉ đem lại hiệu quả nghệ thuật nếu được sử dụng "đắt", tức là làm cho ý thơ, cảm xúc thơ sâu hơn, mạnh hơn. Cũng cần lưu ý HS rằng có không ít câu thơ lời lẽ giản dị như lời nói thường, chẳng những không có tu từ mà còn không có hình ảnh, từ ngữ gì tân kì, vậy mà rất truyền cảm, tức là rất hay. Trong bài *Nhớ rừng*, nếu những câu có sáng tạo tu từ như *Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối – Ta say mới đứng uống ánh trăng tan* là rất hay, thì lại có những câu chỉ là cảm xúc hồn nhiên được thốt ra như

*Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu ?* cũng không hề kém sức truyền cảm nghệ thuật. Như vậy, tiêu chí của cái hay, cái đẹp không đơn giản là phải có hình ảnh tân kì, biện pháp tu từ,... mà là ở chỗ khác. Điều này chưa thể nói đầy đủ cho HS cấp THCS, nhưng cũng cần lưu ý HS sớm, tránh cho các em sự méo mó của tư duy, dẫn đến những ngộ nhận tai hại kéo dài về sau.